

Báo cáo thị trường tiền tệ

NHNN rút thanh khoản ở mức độ khiêm tốn trong bối cảnh áp lực USDVND kéo dài

NHNN rút thanh khoản khiêm tốn

Trong tuần 09W25 (từ ngày 24 đến 28 tháng 2), NHNN tiếp tục rút ròng thanh khoản trong bối cảnh áp lực tỷ giá vẫn duy trì. Cụ thể, NHNN đã phát hành 68.67 nghìn tỷ đồng thông qua các hợp đồng mua kỳ hạn, trong khi có 87.48 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng 18.81 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Ngoài ra, NHNN đã bơm thêm 15.70 nghìn tỷ đồng vào hệ thống ngân hàng bằng cách phát hành 6.00 nghìn tỷ đồng tín phiếu, trong khi 21.70 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần. Tính chung, NHNN ghi nhận mức rút ròng 3.11 nghìn tỷ đồng từ hệ thống ngân hàng.

Lãi suất liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất các kỳ hạn ngắn như qua đêm, 1 tuần, 2 tuần và 1 tháng lần lượt tăng 80đcb, 67đcb, 50đcb và 28đcb, lên mức 4.60%, 4.70%, 4.70% và 4.75%. Bên cạnh đó, khối lượng giao dịch trung bình trong tuần tăng 17.52% so với tuần trước, đạt 553.33 nghìn tỷ đồng.

Đà tăng của USDVND tiếp tục duy trì

Trong tuần này, USDVND tiếp tục xu hướng tăng cùng với đà mạnh lên của đồng USD. Cụ thể, tỷ giá USDVND liên ngân hàng tăng 0.14%, tương đương 37 điểm phần trăm so với tuần trước, chốt ở mức 25,557 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, tuần này chứng kiến sự trở lại của đồng USD khi chỉ số DXY tăng 0.94% so với tuần trước, trở lại mốc 107. Động lực tăng trưởng này chủ yếu đến từ số liệu PCE khả quan hơn dự kiến, làm dấy lên kỳ vọng về các động thái nới lỏng của Fed trong năm nay. Trong nước, áp lực tỷ giá vẫn hiện hữu do lo ngại leo thang căng thẳng thương mại, bị khuếch đại thêm bởi việc KBNN tiếp tục chào mua 150 triệu USD trong tuần và khối ngoại duy trì bán ròng trên sàn HOSE. Tổng giá trị bán ròng của khối ngoại đạt 2.53 nghìn tỷ đồng, tương đương 2.6% tổng giá trị giao dịch trong tuần.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T8/24	T9/24	T10/24	T11/24	T12/24	T1/25	Corr. ¹
FDI %n/n	5.3	13.2	7.6	-6.7	25.2	2.0	-0.16
Tổng mức bán lẻ %n/n	8.4	7.1	9.4	8.4	9.3	9.5	-0.18
Xuất khẩu %n/n	15.2	10.7	10.1	8.2	12.9	-7.0	-0.16
Nhập khẩu %n/n	14.7	11.1	13.6	9.8	19.2	0.2	-0.07
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	4.0	2.3	2.0	1.1	0.5	1.2	-0.11
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t		0.29	0.33	0.13	0.29	0.98	-0.06
Tín dụng %n/n	15.7	16.1	16.6	15.8	13.8	N/A	-0.23
USDVNB %t/t	-1.48	-1.24	2.91	0.25	0.55	-1.59	-0.39
PMI(Điểm)	52.4	47.3	51.2	50.8	49.8	48.9	-0.25
VNINDEX %t/t	2.6	0.8	-1.8	-1.0	1.5	-0.1	1.00

Nguồn: SBV, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN rút thanh khoản khiêm tốn	1
II. Lãi suất liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn	3
III. Lợi suất TPCP giảm ở các kỳ hạn dài	4
IV. Đà tăng của USDVND tiếp tục duy trì	6
Thống kê vĩ mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

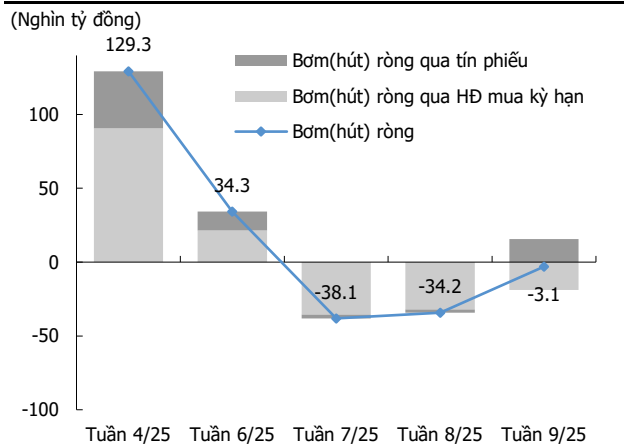
I. NHNN rút thanh khoản khiêm tốn

NHNN tiếp tục hút thanh khoản nhưng với giá trị khiêm tốn

Trong tuần 09W25 (từ 24 đến 28 tháng 2), NHNN tiếp tục rút ròng thanh khoản trong bối cảnh áp lực tỷ giá vẫn duy trì. Cụ thể, NHNN đã phát hành 68.67 nghìn tỷ đồng thông qua các hợp đồng mua kỳ hạn, trong khi có 87.48 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng 18.81 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, NHNN đã bơm 15.70 nghìn tỷ đồng vào hệ thống ngân hàng bằng cách phát hành 6.00 nghìn tỷ đồng tín phiếu, trong khi 21.70 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Tính chung, NHNN ghi nhận rút ròng 3.11 nghìn tỷ đồng từ hệ thống ngân hàng.

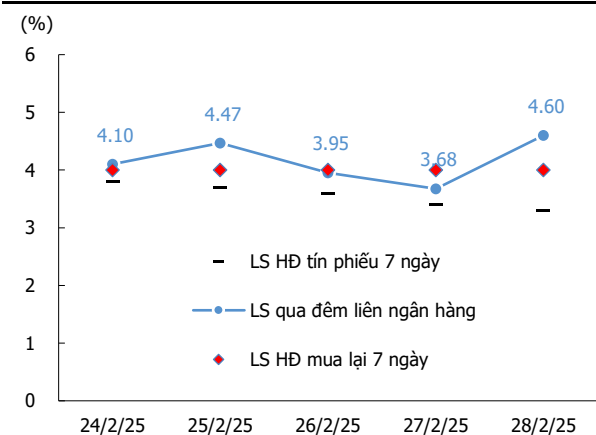
Trong tuần này, mặc dù NHNN tiếp tục rút ròng thanh khoản, nhưng cũng đã bơm thêm thanh khoản vào hệ thống ngân hàng nhằm giảm tác động từ các hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn lớn, đồng thời hạ lãi suất tín phiếu. Những động thái này phản ánh quan điểm của NHNN trong việc giảm lãi suất trên thị trường liên ngân hàng, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại hạ lãi suất cho vay. Việc thực hiện nghiệp vụ thị trường mở của NHNN phù hợp với nỗ lực của Chính phủ trong việc giữ ổn định mặt bằng lãi suất và đẩy mạnh đầu tư công để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Do đó, một số ngân hàng thương mại đã công bố giảm lãi suất tiền gửi sau khi NHNN ban hành văn bản số 1328/NHNN-CSTT. Trong các tuần tới, nhiều khả năng NHNN sẽ tiếp tục hạ lãi suất hợp đồng mua kỳ hạn nhằm hỗ trợ các ngân hàng thực hiện chỉ đạo của Chính phủ.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
24/02/25	3/03/25	7	17.77	4.00
25/02/25	4/03/25	7	6.51	4.00
26/02/25	5/03/25	7	2.24	4.00
27/02/25	6/03/25	7	7.00	4.00
28/02/25	7/03/25	7	12.44	4.00
Tổng		7	46.0	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 14 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
25/02/25	11/03/25	14	11.16	4.00
26/02/25	12/03/25	14	3.68	4.00
27/02/25	13/03/25	14	1.92	4.00
28/02/25	14/03/25	14	5.95	4.00
Tổng		14	22.7	4.00

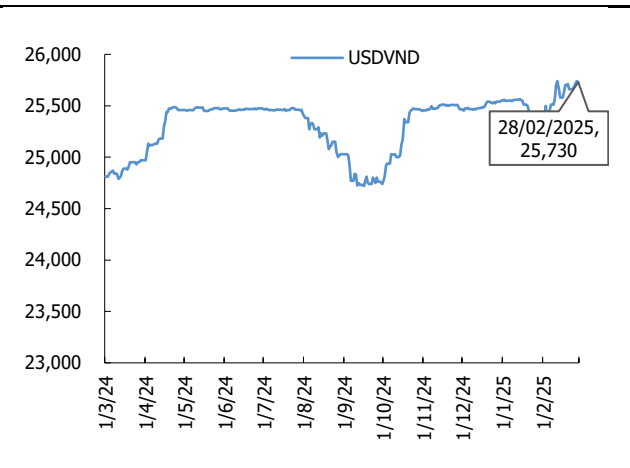
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Thông tin về phát hành HĐ tín phiếu 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
24/02/25	3/03/25	7	2.00	3.80
25/02/25	4/03/25	7	1.00	3.70
26/02/25	5/03/25	7	1.00	3.60
27/02/25	6/03/25	7	1.00	3.40
28/02/25	7/03/25	7	1.00	3.30
Tổng		7	6.00	3.56

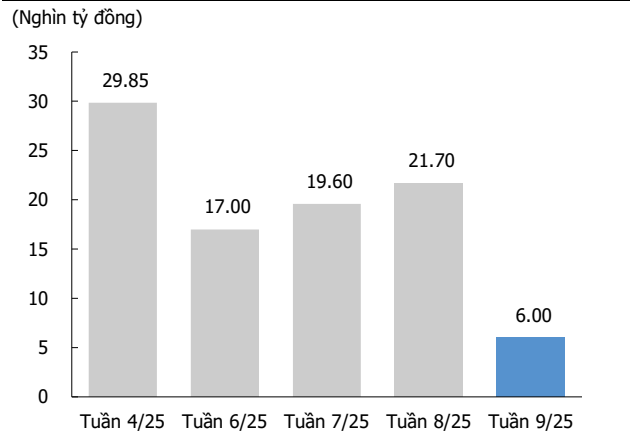
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Diễn biến USDVND



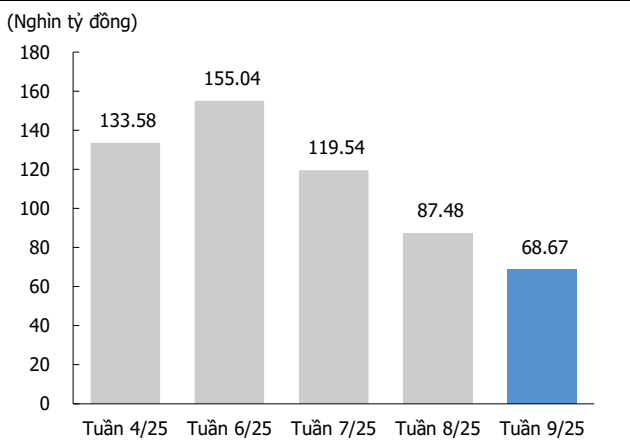
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 7. Tín phiếu đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 8. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

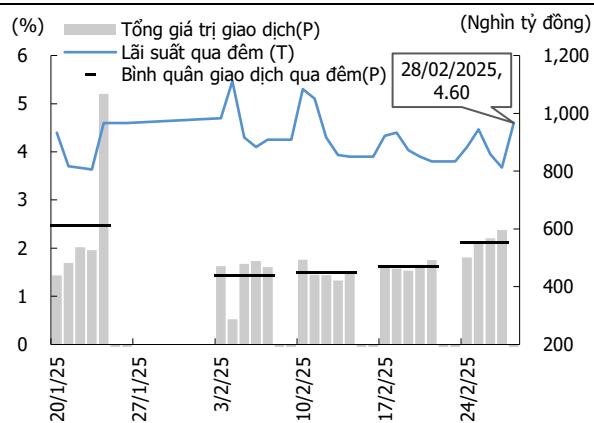
II. Lãi suất liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn

Lãi suất liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất các kỳ hạn ngắn như qua đêm (ON), 1 tuần (1W), 2 tuần (2W) và 1 tháng (1M) lần lượt tăng 80đcb, 67đcb, 50đcb và 28đcb, lên mức 4.60%, 4.70%, 4.70% và 4.75%. Ngoài ra, lãi suất các kỳ hạn dài bao gồm 3 tháng (3M), 6 tháng (6M), 9 tháng (9M) và 1 năm (1Y) cũng tăng lần lượt 30đcb, 15đcb, 20đcb và 20đcb, lên các mức 5.00%, 5.10%, 5.20% và 5.20%. Bên cạnh đó, khối lượng giao dịch trung bình trong tuần tăng 17.52% so với tuần trước, đạt 553.33 nghìn tỷ đồng.

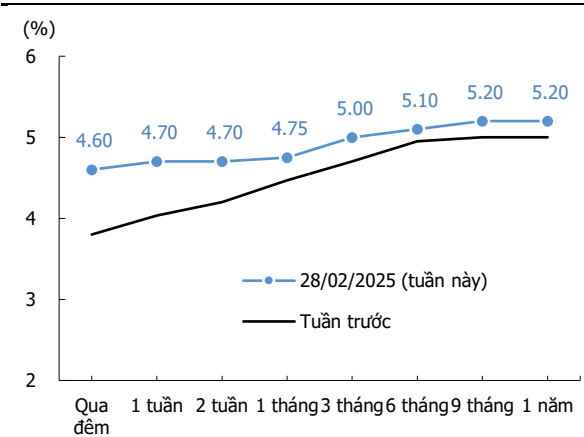
Thanh khoản trong hệ thống ngân hàng suy giảm sau hai tuần liên tiếp NHNN rút ròng thanh khoản đáng kể. Bên cạnh đó, các ngân hàng thương mại đã giảm lãi suất tiền gửi và đưa ra nhiều gói cho vay ưu đãi sau khi NHNN ban hành văn bản số 1328/NHNN-CSTT. Những yếu tố này làm gia tăng nhu cầu thanh khoản trong hệ thống ngân hàng, khiến đường cong lãi suất liên ngân hàng dịch chuyển mạnh lên phía trên trong tuần này.

Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng



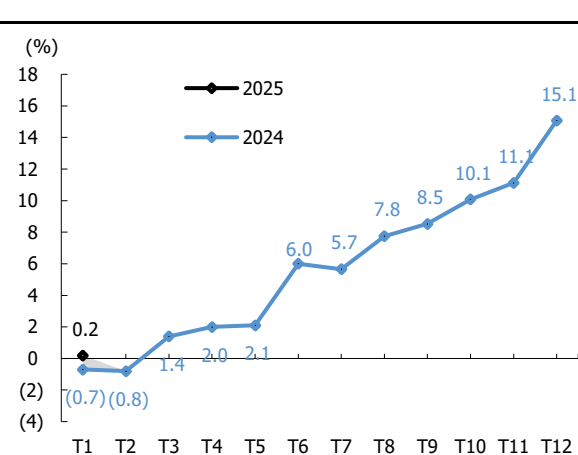
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

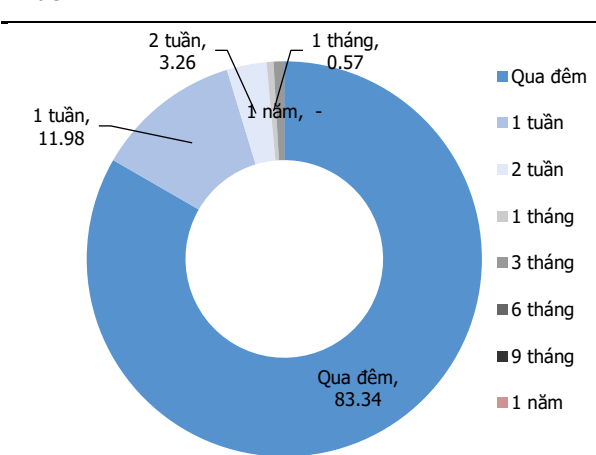
Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Ghi chú: Cập nhật đến ngày 11 tháng 2 năm 2025

Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



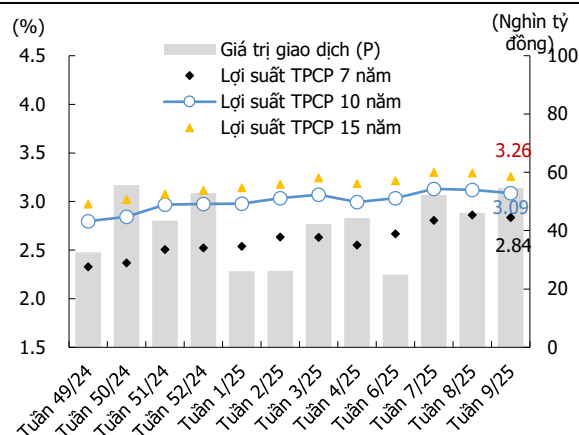
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất TPCP giảm ở các kỳ hạn dài

Lợi suất TPCP phản ánh sự dịch chuyển nhu cầu sang kỳ hạn dài hơn

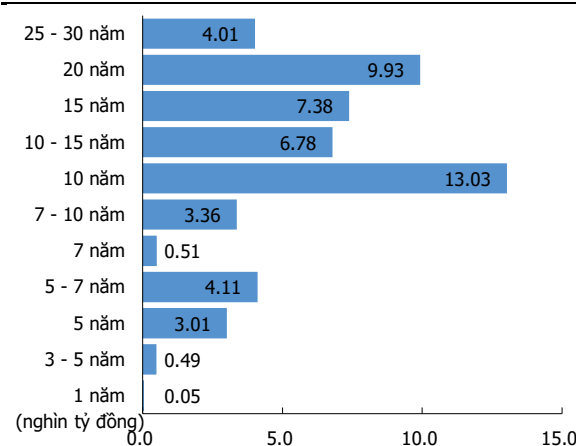
Trong tuần này, lợi suất TPCP giảm ở các kỳ hạn dài, trong khi lợi suất kỳ hạn ngắn giữ nguyên, với giá trị giao dịch tăng mạnh. Cụ thể, lợi suất các kỳ hạn được giao dịch nhiều như 5 năm, 7 năm, 10 năm và 15 năm lần lượt giảm 2đcb, 3đcb, 3đcb và 4đcb, xuống còn 2.42%, 2.84%, 3.09% và 3.26%. Tổng giá trị giao dịch tăng mạnh 18.83% so với tuần trước, đạt 54.7 nghìn tỷ đồng, với giá trị giao dịch trung bình hàng ngày là 10.94 nghìn tỷ đồng.

Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



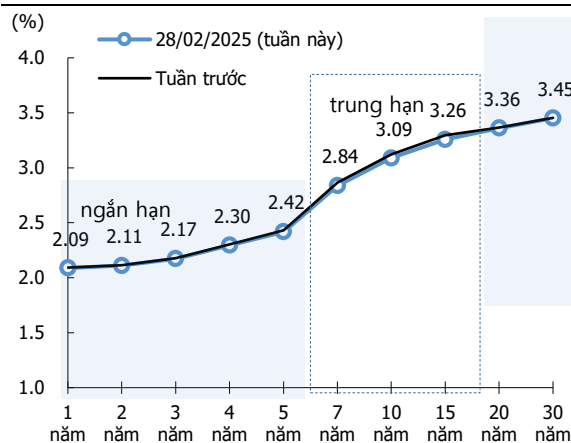
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



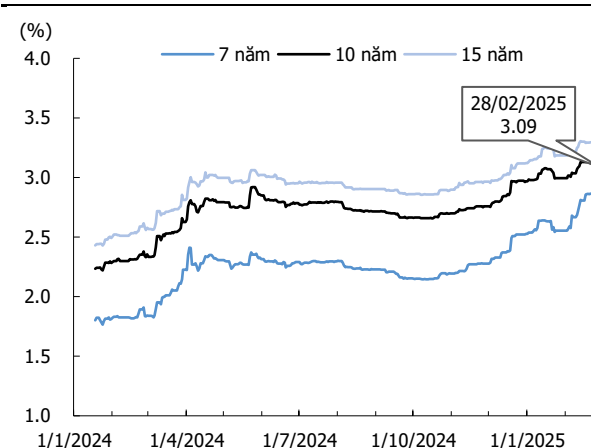
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 15: Đường cong lãi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

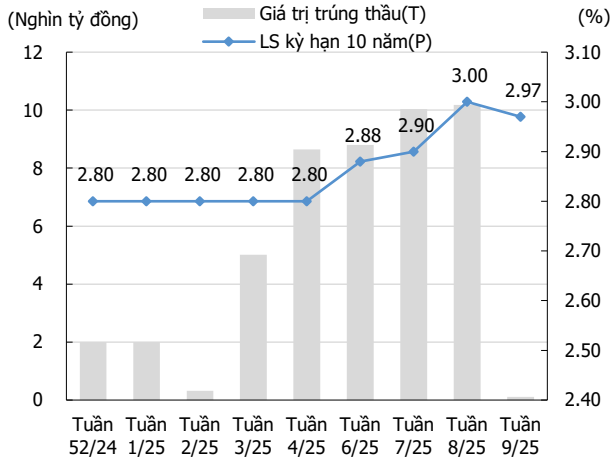
Hình 16: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

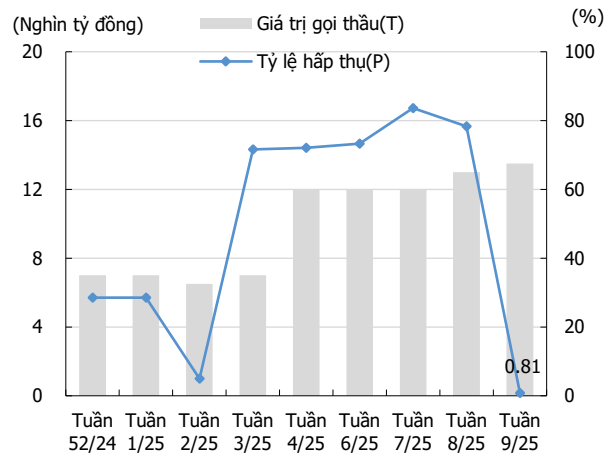
Trên thị trường sơ cấp, tuần 09W25 ghi nhận sự chậm lại trong hoạt động phát hành trái phiếu, với giá trị trúng thầu giảm mạnh và lợi suất trúng thầu cũng giảm dù nhu cầu vẫn ở mức cao. Cụ thể, KBNN chỉ phát hành 0.1 nghìn tỷ đồng trong tuần này, thấp hơn đáng kể so với 10.18 nghìn tỷ đồng của tuần trước, trong khi lợi suất trúng thầu giảm 3 điểm cơ bản xuống còn 2.97%. Mặc dù hoạt động phát hành chậm lại, nhu cầu vẫn duy trì ở mức cao, thể hiện qua tỷ lệ giá trị đặt thầu trên khối lượng chào bán đạt 91.2%, chủ yếu tập trung vào kỳ hạn 10 năm. Tính từ đầu năm đến nay, KBNN đã phát hành tổng cộng 45.11 nghìn tỷ đồng, đạt 9.0% mục tiêu phát hành năm 2025, chậm hơn so với mức 11.9% cùng kỳ năm ngoái.

Hình 17: Giá trị trúng thầu hàng tuần



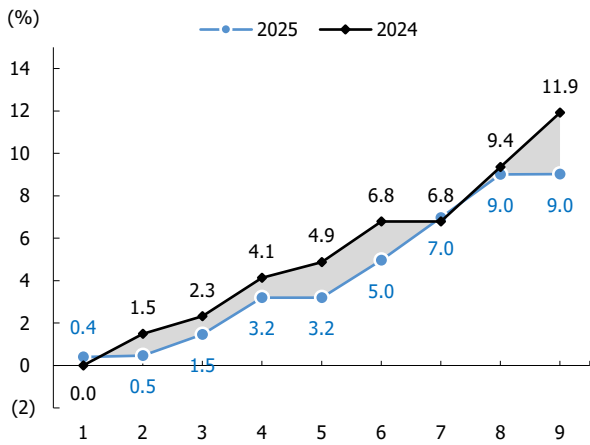
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Hệ số hấp thụ hàng tuần



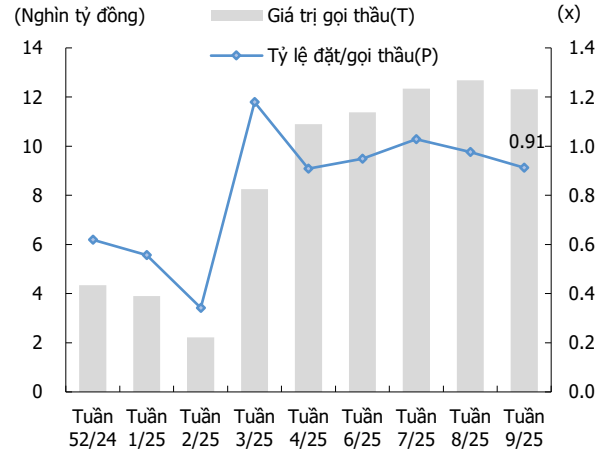
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024



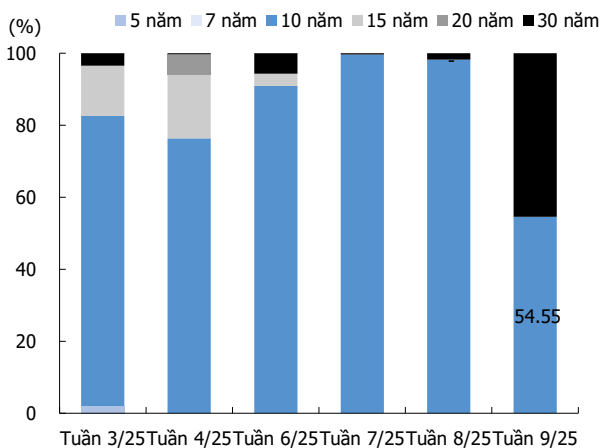
Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



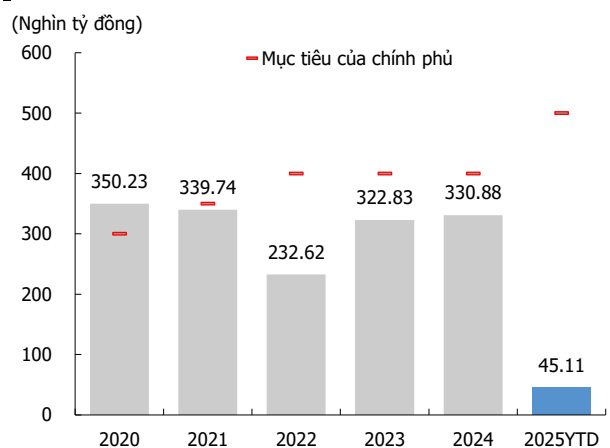
Nguồn: HNX, KIS

Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 22: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

IV. Đà tăng của USDVND tiếp tục duy trì

USDVND tiếp tục tăng tuần thứ tư liên tiếp, dù với tốc độ chậm hơn

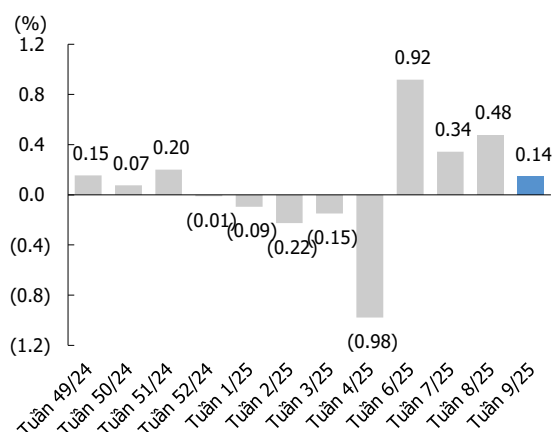
Trong tuần này, USDVND tiếp tục xu hướng tăng cùng với đà mạnh lên của đồng USD. Cụ thể, tỷ giá USDVND liên ngân hàng tăng 0.14%, tương đương 37 điểm phần trăm so với tuần trước, chốt ở mức 25,557 vào ngày thứ Sáu.

Trên thị trường quốc tế, tuần này chứng kiến sự trở lại của đồng USD, khi chỉ số DXY tăng 0.94% so với tuần trước, trở lại mốc 107. Động lực tăng trưởng này chủ yếu đến từ số liệu PCE khả quan hơn dự kiến, làm dấy lên kỳ vọng về các động thái nới lỏng của Fed trong năm nay. Đồng bạc xanh cũng hưởng lợi sau cuộc gặp giữa Donald Trump và Volodymyr Zelenskyy, khi sự chủ động của Mỹ đối với Ukraine được kỳ vọng sẽ mang lại lợi ích cho Mỹ trong các cuộc đàm phán tương lai.

Trong nước, áp lực tỷ giá vẫn hiện hữu do lo ngại leo thang căng thẳng thương mại, bị khuếch đại thêm bởi việc KBNN tiếp tục chào mua 150 triệu USD trong tuần và khối ngoại duy trì bán ròng trên sàn HOSE. Tổng giá trị bán ròng của khối ngoại đạt 1.84 nghìn tỷ đồng, tương đương 2.6% tổng giá trị giao dịch trong tuần.

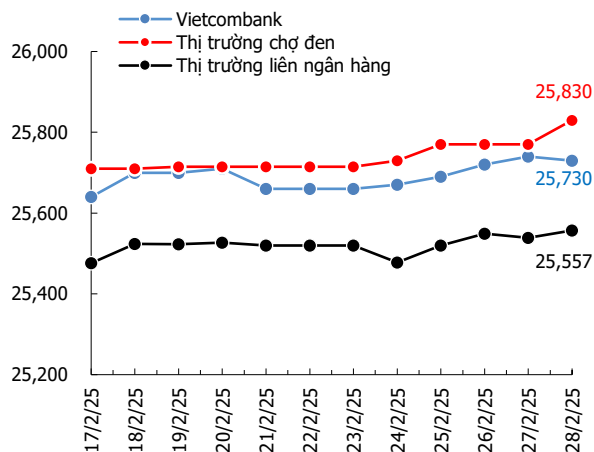
Về diễn biến tỷ giá trên các phân khúc thị trường, giá chào bán USD tại Vietcombank tăng 0.27% (tương đương 70 điểm phần trăm), trong khi trên thị trường tự do tăng 0.45% (tương đương 115 điểm phần trăm) so với tuần trước. Vào ngày thứ Sáu, giá chào bán tại Vietcombank và thị trường tự do lần lượt ghi nhận ở mức 25,730 và 25,830 đồng cho một USD.

Hình 23: Diễn biến của USDVND theo tuần



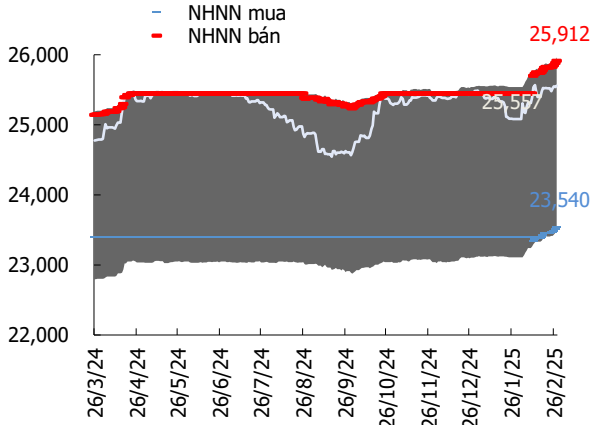
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



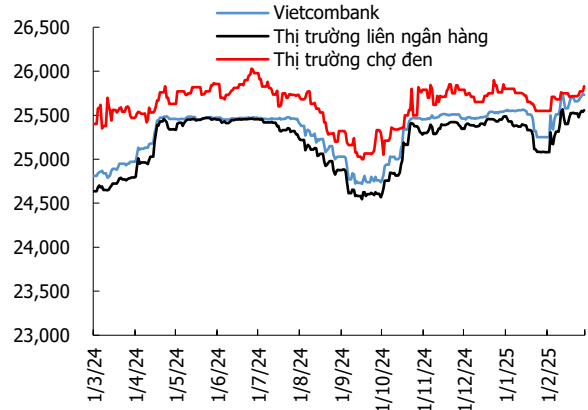
Nguồn: TCTT, KIS

Hình 25: Diễn biến giao dịch của NHNN



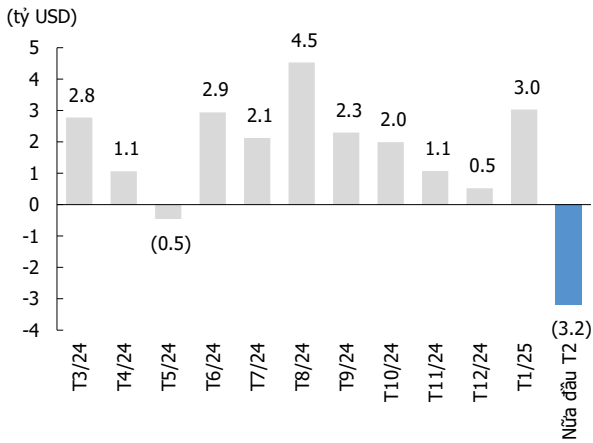
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Fiinpro, KIS

Hình 26: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



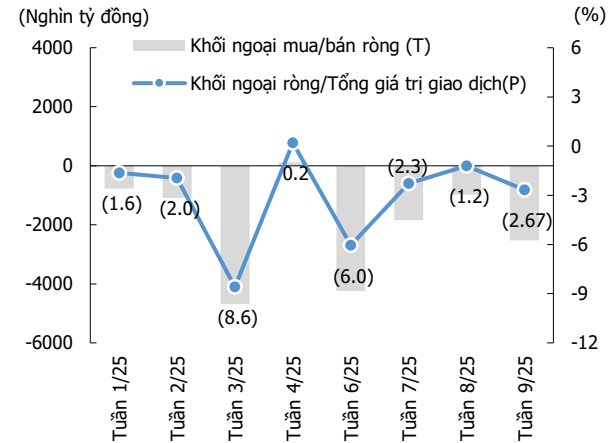
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

Hình 27: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



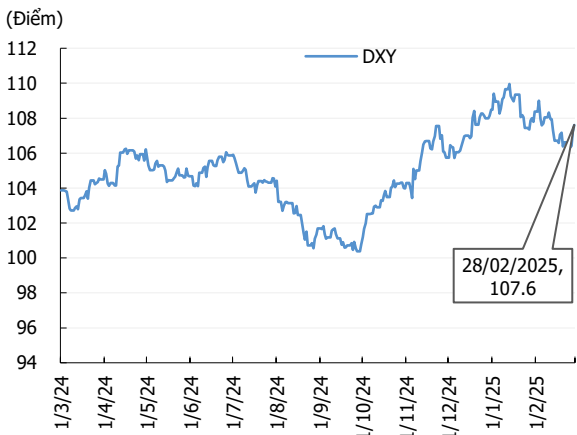
Nguồn: NHNN, Bloomberg
Ghi chú: Cập nhật đến 20 tháng 2, 2024

Hình 28: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 29: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 30: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

Tỷ giá	Cơ chế	7W25	8W25	9W25	2025YTD
DXY	Chỉ số đồng Đô La Mỹ	-1.23	-0.09	0.94	-0.80
USDCNY	Tỷ giá thả nổi có quản lý	-0.51	-0.07	0.36	-0.29
EURUSD	Tỷ giá thả nổi	1.59	-0.32	-0.79	0.20
USDJPY	Tỷ giá thả nổi	0.59	-2.00	0.91	-4.18
USDKRW	Tỷ giá thả nổi	-0.53	-0.49	1.83	-0.79
USDSGD	Cơ chế trung gian (BBC)	-1.08	-0.21	1.11	-1.05
USDTHB	Tỷ giá thả nổi	-0.08	-0.02	1.67	0.23
USDVND	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.34	0.48	0.14	0.27

Nguồn: NHNN, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T9/24	T10/24	T11/24	T12/24	T1/25	1Q24	2Q24	3Q24	4Q24	2021	2022	2023	2024
Tăng GDP thực (%)						5.66	6.93	7.43	7.55	2.58	8.02	5.05	7.09
FDI đăng ký (USD bn)	4.26	2.48	4.12	6.85	4.34	6.18	9.01	9.59	13.44	31.15	27.72	36.61	38.23
GDP bình quân (USD)										3,725	4,110	4,285	4,479
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.24	2.29	2.23	2.22	3.22	2.32	2.26	2.24
Xuất khẩu (tỷ USD)	34.05	35.59	33.73	35.53	32.15	93.06	98.2	108.6	105.9	335.7	371.85	355.5	405.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	31.76	33.60	32.67	35.00	30.92	84.98	94.0	99.7	101.9	331.1	360.65	327.5	380.8
Tăng trưởng XK (%)	10.70	10.09	8.16	12.85	-6.97	16.98	13.59	15.82	11.46	18.74	10.61	-4.4	14.3
Tăng trưởng NK (%)	11.06	13.56	9.81	19.23	0.21	13.88	20.65	17.19	14.91	25.9	8.35	-8.9	16.7
Lạm phát (%)	2.63	2.68	2.77	2.94	3.63	3.77	4.39	3.48	2.87	1.84	3.15	3.25	3.63
USD/VND	24,093	25,282	25,346	25,386	25,082	24,786	25,458	24,093	25,386	22,790	23,650	23,784	25,386
Tăng trưởng tín dụng (%)	16.1	16.2	15.8	13.8	N/A	12.5	15.3	16.1	13.8	13.61	14.2	13.7	13.8
TPCP 10 năm (%)	2.66	2.70	2.76	2.94	2.99	2.59	2.81	2.66	2.94	2.11	5.08	2.39	2.94

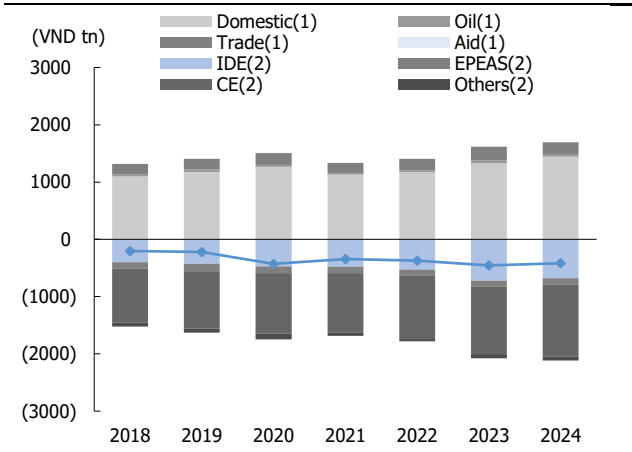
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

****Khái niệm**

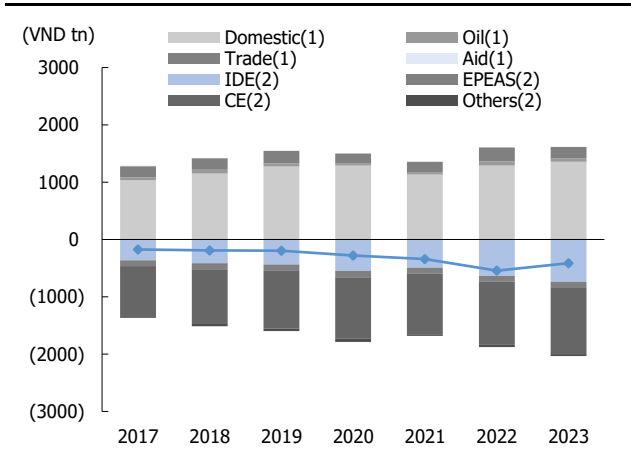
- * Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 2.97%
- * Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 0.81%
- * Tỷ lệ “bid to offer” = giá chào thầu / giá đặt thầu, 0.91%
- * DXY = Chỉ số giá USD Index, ~107.6
- * OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- * Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- * ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~4.60%

Phụ lục

Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến



Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế



Nguồn: MoF, NHNN, KIS
Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.
IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại
(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu
(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

Bảng 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2020	2021	2022	2023	2Q24	3Q24
Cán cân vãng lai	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	4.5	7.8
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	97.9	108.2
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	89.3	94.6
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	8.5	13.6
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.5	5.9
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.3	9.8
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	5.4	6.1
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	3.8	3.9
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.1	1.0
Cán cân tài chính	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	(6.3)	(2.7)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.2)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	5.0	5.2
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	(0.1)
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(1.6)	(0.8)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	(5.2)	(2.6)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(4.4)	(4.2)
Lỗi và sai sót	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(4.3)	(5.1)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	6.1	(0.1)

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.